

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Thể chất

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			26	304	146		
1	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
2	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
4	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
5	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
6	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
7	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
8	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
Học phần tự chọn			10	135	15		
9	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
10	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
11	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			31	300	165		
12	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
13	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
14	00131001	Giải phẫu học	3	30	15		
15	00128026	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục thể chất	2	15	15		
16	00121014	Vệ sinh học Thể dục Thể thao	2	22	8		
17	00121016	Y học – Thể dục Thể thao	2	15	15		
18	00131020	Sinh lý học – Thể dục Thể thao	3	30	15		
19	00131021	Đo lường Thể dục Thể thao	3	30	15		
20	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
21	00121032	Tổ chức sự kiện Thể dục Thể thao	2	15	15		
Học phần tự chọn			6	66	24		
22	31121007	Toán thống kê	2	22	8		
23	00121026	Quản lý Thể dục Thể thao	2	22	8		
24	00121028	Kinh tế Thể dục Thể thao	2	22	8		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			68	315	810		
25	00131022	Cầu lông	3	15	45		
26	00128019	Thể thao chuyên ngành 5	2	10	20	00128037	
27	00148219	Thể dục	4	15	45		
28	00148218	Điền kinh	4	15	45		
29	00138036	Thể thao chuyên ngành 6	3	15	30	00128037	
30	00131004	Bóng đá	3	15	30		
31	00131035	Bơi lội	3	15	30		
32	00128037	Thể thao chuyên ngành 1	2	10	20		
33	00131029	Võ thuật	3	15	30		
34	00128038	Thể thao chuyên ngành 2	2	10	20	00128037	
35	00121015	Bóng bàn	2	15	15		
36	00131013	Bóng rổ	3	15	30		
37	00128039	Thể thao chuyên ngành 3	2	10	20	00128037	
38	00131009	Bóng chuyền	3	15	30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
39	00128040	Thể thao chuyên ngành 4	2	10	20	00128037	
40	00128043	Pickleball	2	15	15		
41	00131031	Trò chơi vận động	3	15	30		
Học phần tự chọn			22	85	335		
42	00161038	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
43	00138020	Cử tạ	3	15	30		
44	00121011	Bóng ném	2	10	20		
45	00131019	Yoga	3	15	30		
46	00131012	Cờ vua	3	15	30		
47	00121007	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2	15	15		
48	00131006	Đá cầu	3	15	30		
Khối kiến thức: NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM			33	195	300		
49	32021273	Giáo tiếp sư phạm	2	13	17		
50	00138025	Lý luận và Phương pháp dạy học Giáo dục Thể chất	3	30	15		
51	00121027	Tâm lý Thể dục Thể thao	2	15	15		
52	32021074	Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2	30	0		
53	31621066	Kiến tập sư phạm	2	0	30		
54	31641067	Thực tập sư phạm	4	0	60		
55	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	30	15		
56	00128035	Thực hành dạy học Giáo dục Thể chất 1	2	10	20		
57	00138041	Thực hành dạy học Giáo dục Thể chất 2	3	15	30		
Học phần tự chọn			10	52	98		
58	00121033	Đánh giá trong dạy học môn Giáo dục thể chất	2	22	8		
59	00121034	Hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Thể dục thể thao	2	10	20		
60	00138302	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	10	35		
61	00138303	Chuyên đề tốt nghiệp 2	3	10	35	00138302	
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			158	1114	1421		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			110	776	949		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			20				

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG KHOA

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Tùng

Trần Quang Minh



TS. Phan Đức Tuấn

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Giáo dục Thể chất

Khóa: 2025

Trình độ: Đại học

Hình thức đào tạo: Chính quy

(ban hành kèm theo Quyết định số 1303/QĐ-ĐHSP ngày 25/6/2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00131001	Giải phẫu học	3	30	15		
	00148218	Điền kinh	4	15	45		
	00148219	Thể dục	4	15	45		
	32031719	Tâm lý học giáo dục	3	32	13		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	92	118		
2	00131004	Bóng đá	3	15	30		
	00131020	Sinh lý học – Thể dục Thể thao	3	30	15		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	32031255	Giáo dục học	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	135	90		
3	00128037	Thể thao chuyên ngành 1	2	10	20		
	00201264	Giáo dục quốc phòng	0	0	60		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	00131021	Đo lường Thể dục Thể thao	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	00121007	Sinh cơ học Thể dục Thể thao	2	15	15		
	00131019	Yoga	3	15	30		
	31132001	Công nghệ số cơ bản	3	30	15		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	122	163		
4	00128038	Thể thao chuyên ngành 2	2	10	20	00128037	
	32022212	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	15	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn					
	00121028	Kinh tế Thể dục Thể thao	2	22	8		
	00138020	Cử tạ	3	15	30		
	31121007	Toán thống kê	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	128	97		
5	00128039	Thể thao chuyên ngành 3	2	10	20	00128037	
	00128026	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Giáo dục thể chất	2	15	15		
	00131013	Bóng rổ	3	15	30		
	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	00121032	Tổ chức sự kiện Thể dục Thể thao	2	15	15		
		Học phần tự chọn					
	41232001	Tiếng Anh B1.1	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	121	89		
6	00128040	Thể thao chuyên ngành 4	2	10	20	00128037	
	00128043	Pickleball	2	10	20		
	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	00121014	Vệ sinh học Thể dục Thể thao	2	22	8		
	00131031	Trò chơi vận động	3	15	30		
		Học phần tự chọn					
	41242002	Tiếng Anh B1.2	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	139	86		
7	32021273	Giao tiếp sự phạm	2	13	17		
	00121016	Y học – Thể dục Thể thao	2	15	15		
	00121027	Tâm lý Thể dục Thể thao	2	15	15		
	00128019	Thể thao chuyên ngành 5	2	10	20	00128037	
	00131009	Bóng chuyền	3	15	30		



Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước / tiên quyết / song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
		Học phần tự chọn					
	00131006	Đá cầu	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	14	83	127		
8	00131022	Cầu lông	3	15	30		
	00138036	Thể thao chuyên ngành 6	3	15	30	00128037	
	00138025	Lý luận và Phương pháp dạy học Giáo dục Thể chất	3	30	15		
	32021074	Phát triển chương trình môn Giáo dục Thể chất	2	30	0		
		Học phần tự chọn					
	00121011	Bóng ném	2	10	20		
	00121033	Đánh giá trong dạy học môn Giáo dục thể chất	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	122	103		
9	00121015	Bóng bàn	2	10	20		
	00128035	Thực hành dạy học Giáo dục Thể chất 1	2	10	20		
	00131029	Võ thuật	3	15	30		
	32032213	Tổ chức hoạt động giáo dục và trải nghiệm	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	00121034	Hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Thể dục thể thao	2	10	20		
	00131012	Cờ vua	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	15	90	135		
10	00131035	Boi lội	3	15	30		
	00138041	Thực hành dạy học Giáo dục Thể chất 2	3	15	30		
	31621066	Kiến tập sư phạm	2	0	30		
		Học phần tự chọn					
	00121026	Quản lý Thể dục Thể thao	2	22	8		
		Số tín chỉ trong kỳ	10	52	98		
11	31641067	Thực tập sư phạm	4	0	60		
		Học phần tự chọn					
	00138302	Chuyên đề tốt nghiệp 1	3	10	35		
	00138303	Chuyên đề tốt nghiệp 2	3	10	35	00138302	
	00161038	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	180		
		Số tín chỉ trong kỳ	16	20	310		

Lưu ý:

- Phải tích lũy tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa học).
- Học phần tiên quyết là học phần có dấu *.

TRƯỞNG NGÀNH

Nguyễn Thanh Tường

TRƯỞNG KHOA

Trần Quang Minh

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phan Đức Tuấn

